| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH TÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 05/2022/DS.ST
Ngày 27 - 01 - 2022
"V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mười Hai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Phận

2. Ông Lê Minh Thư

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Định

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim L,** sinh năm 1986 *(có mặt)*; địa chỉ: Tổ 08, khóm 5, phường T P, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1971 (có mặt);

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, khóm T C, thị trấn T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2021, biên bản đối chất ngày 10/01/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Từ năm 2016 đến năm 2021, chị cho chị Nguyễn Ngọc T mượn tiền nhiều lần, không tính lãi suất, thời hạn mượn 03 năm (từ năm 2016 đến 2019), đến ngày 14/5/2021 chị T mới làm Giấy biên nhận mượn tiền với tổng số tiền 950.000.000đ tại Phòng Công chứng Số 2, mục đích vay tiền để chan trãi trong gia đình như mua đất, trả nợ, chơi hụi,... Việc chị T mượn tiền thì anh Nguyễn Văn S chồng chị T đến nhà chị để nhận tiền, anh S đều biết và sử dụng chung. Đến hẹn chị T hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay mới trả được 15.000.000đ nên còn nợ là 935.000.000đ. Trong số tiền này, chị giao tiền cho chị T nhiều lần (bắt đầu mượn tiền từ năm 2016 đến đầu năm 2021), anh S đi cùng khoản mười mấy lần (do quá nhiều lần nên không nhớ chính xác). Khi chị đưa tiền thì anh S đều thấy vì có mặt anh S, chị T. Có nhiều lần thì chị Nhan Thanh X đi sang nhà chơi đều chứng kiến và biết. Anh S nói chỉ xuống nhà chị 03 lần là không đúng sự thật. Các lần hỏi tiền và đến nhận tiền thì anh S chị T đều trình bày lo chi phí làm giấy tờ bán đất cho đứa cháu, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, lo giấy tờ, trả tiền Ngân hàng....

Anh S có điện thoại cho chị hỏi mượn 6.000.000đ *(lúc hỏi mượn là trước Tết Nguyên Đán 2020 vài ngày)*, khi hỏi mượn là để lo thủ tục giấy tờ nhà đất của gia đình và nói với chị là giao số tiền 6.000.000đ cho chị T nhận giùm, đến nay vợ chồng anh S chưa trả số tiền này, 6.000.000đ này cũng còn chung trong số tiền 935.000.000đ. Khi chị gặp anh S thì đều có nói là chị T mượn tiền chị nhiều lần đã mấy trăm triệu, anh Sơn nói để bán đất sẽ trả trước cho chị một khoản.

Chị Loan yêu cầu chị T anh S hoàn trả số tiền vay còn nợ bằng 935.000.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*- Tại biên bản hòa giải ngày16/12/2021, biên bản đối chất ngày 10/01/2021, bị đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:* Trong số tiền 950.000.000đ thì lúc đầu chị giấu không cho chồng chị là anh Nguyễn Văn S hay do mượn bắt đầu từ năm 2016 đến năm 2021 mới làm giấy tờ; trước đó thì không làm giấy tờ khi chị L giao tiền. Sau này chị nhờ anh S chở đến đến nhà Loan khoảng 03 lần (*01 lần cho thức ăn, một lần đứng chờ bên ngoài và một lần anh S chạy xuống nhà Loan nhận trực tiếp nhưng anh Sơn không biết tiền gì, chỉ nói là tiền chơi hụi giữa chị và chị L)*. Có lần anh S điện thoại cho chị L hỏi mượn 6.000.000đ và nói chị đến nhận thay anh S, số tiền này trong 950.000.000đ đang còn tranh chấp vì chưa trả. Các lần mượn tiền của chị L chị thừa nhận nói là để chi tiêu sinh hoạt trong nhà, chơi hụi và làm thủ tục nhà đất, trả nợ bên ngoài và nợ Ngân hàng... Việc này do chị đặt ra để chị L tin tưởng nhưng đều giấu anh S. Có lần chị nợ tiền hụi thì anh S có xuất ra trả thay chị gần 200.000.000đ, vì lúc đó anh S bán một phần đất kế căn nhà vợ chồng đang ở nên cho tiền chị, khi đó chị cũng có hứa trả chị L một phần khi bán phần đất này, do nợ nhiều người nên chưa trả chị L. Việc chị L cho rằng chị và anh S có đến nhà Loan mười mấy lần là không đúng. Trong số tiền 950.000.000đ thì có khoản 500.000.000đ tiền vốn, còn lại là tiền lãi vì

chị nhờ chị L đi hỏi vay tiền của người khác nên chị L có tính tiền lãi phải trả thay cho chị và cộng vào. Số tiền mượn 6.000.000đ mà chị L hỏi mượn cho anh S thì anh S cũng nhờ L hỏi của người khác.

Chị bắt đầu chơi hụi (làm hụi viên) từ năm 2016 đến năm 2021, các chủ hụi thường đến nhà đòi tiền nên anh S cũng biết. Việc chị chơi hụi *(lúc đầu chơi giùm cho mấy đứa em)*, sau đó chị tham gia hụi viên, hốt hụi cũng để chi tiêu trong nhà, hốt hụi chi tiêu hết nên không có tiền đóng hụi.

Qua yêu cầu của chị bà L, chị đồng ý trả số tiền còn nợ bằng 935.000.000đ, do khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng bằng 5.000.000đ.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S trình bày:* Từ trước đến nay anh không nghe vợ anh là chị Nguyễn Ngọc T nói có hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị Kim L, lâu lâu thì có người lại nhà đòi tiền mới biết vợ anh nợ của người khác. Anh có hỏi chị T vay tiền làm gì, chị T trả lời là tham gia chơi hụi, còn việc chơi hụi như thế nào thì anh không biết, chỉ biết là chủ hụi ở gần cầu Ngã Cạn *(ấp Thành Khương, thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân)* vì có đến nhà đòi tiền hụi. Anh có xuất tiền trả hơn 100.000.000đ cho chủ hụi, anh có la gầy nhưng chị T không nghỉ tham gia chơi hụi. Anh có biết mặt chị L do L và chị T có thời gian làm chung ở bệnh viện, anh có chở chị T xuống nhà chị Loan ở phường T P, có lần anh điện thoại nhờ chị L hỏi vay người khác giùm anh 6.000.000đ, số tiền 6.000.000đ thì anh hỏi vay giùm cho chị T để trả nợ bên ngoài nên chị T xuống nhận, vì lúc này có nhiều người đến nhà đòi nợ chị T, sau đó 03 ngày anh đã gửi 6.000.000đ để chị T hoàn trả chị L nhưng đến nay vợ anh không trả (sau này anh mới biết). Việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình có khi thì chị T đi làm về mua thức ăn, có khi anh đi làm về mua; đám tiệc, con cái thì vợ chồng cùng lo, do anh đang ở nhà thờ cha mẹ. Ngoài lần anh điện thoại đến nhờ chị L vay giùm 6.000.000đ, thì anh có đến cho đồ ăn chị L một lần và một lần chở chị T đến nhà L nói là lấy tiền hụi, những người hàng xóm của chị L biết mặt anh.

Qua yêu cầu của chị L thì hiện tại anh không còn khả năng vì đã xuất tiền trả nợ cho chị T nhiều lần, tổng cộng gần 200.000.000đ, tùy Tòa án giải quyết theo quy định, số tiền 6.000.000đ anh vay nhưng vợ anh chưa trả anh đồng ý trả chị L. Anh xin được vắng mặt khi Tòa án các cấp mời giải quyết vụ án do phải đi làm thuê.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng chị T anh S hoàn trả số tiền vay còn nợ bằng 935.000.000đ. Từ khi vay đến nay, chị đã đến nhà yêu cầu vợ chồng chị T trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng chị T không thực hiện.

Chị Nguyễn Ngọc T xác định: Khi vay số tiền 935.000.000đ của chị L thì không cho anh S chồng chị biết, anh S không sử dụng số tiền này. Khi mượn chị nói sử dụng cho việc

mua đất, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, cho hụi, trả nợ …để chị L tin tưởng cho mượn tiền, qua yêu cầu của chị L chị xin trả dần mỗi tháng bằng 5.000.000đ.

- Ý kiến của anh Nguyễn Văn S: Việc vay mượn tiền giữa chị L và chị T anh không hay biết và không sử dụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị Kim L, buộc chị T, anh S có trách nhiệm cùng trả chị L số tiền còn nợ bằng 935.000.000đ. Về án phí, buộc anh S chị T phải nộp 25.400.000đ; chị L không phải nộp án phí (*lập luận và căn cứ pháp lý có văn bản gửi lưu hồ sơ vụ án).*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn S hoàn trả trả số tiền vay theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 14/5/2021, vợ chồng chị T có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị Nguyễn Ngọc T thừa nhận còn nợ chị L số tiền 935.000.000đ nhưng cho rằng trong 935.000.000đ có tiền lãi, tuy nhiên nội dung Giấy biên nhận mượn tiền ngày 14/5/2021 không thể hiện số tiền lãi, chị L không thừa nhận. Ngoài ra, chị T không chứng minh được có vốn nhập lãi nên không có căn cứ xem xét điều chỉnh. Chị L không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Có căn cứ xác định chị T vay của L số tiền 935.000.000đ là có thật.

[2.2] Xét hợp đồng vay theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 14/5/2021, chị L xác định việc vay tiền và giao nhận tiền nhiều lần thì anh S đều biết và chứng kiến, đồng ý. Chị T và anh Nguyễn Văn S không thừa nhận khi vay số tiền 950.000.0000đ của chị L thì anh S có biết, đồng ý và có sử dụng chung số tiền này. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của các bên thể hiện, việc chị L cho chị T vay tiền diễn ra trong thời gian dài từ năm 2016 đến tháng 5/2021, chị T thừa nhận mỗi khi hỏi vay tiền (thỏa thuận không tính lãi) đều để chị T

chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chơi hụi, lo thủ tục nhà đất và nhận chuyển nhượng đất đai, trả nợ…mục đích để duy trì, phát triển tài sản chung của gia đình, Biên nhận ngày 14/5/202 cũng thể hiện rõ mục đích vay tiền. Chị T, anh S là vợ chồng có đăng ký kết hôn, thời điểm vay tiền chị T sống cùng nhà, anh S cũng thừa nhận chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do vợ chồng cùng chi tiêu, mua sắm, lo cho con cái. Việc chị T chơi hụi anh S cũng biết từ năm 2016 – 2021, anh S cho rằng không đồng ý nhưng khi chị T tham gia hụi viên anh không phản đối, ngăn cản, và có lần sau khi chuyển nhượng đất anh S trả tiền hụi do chị T còn nợ người khác nhiều lần gần 200.000.000đ. Việc chị T vay tiền của chị L để chơi hụi, anh S đến nhà chị L cùng chị T nhiều lần, nhiều lần chị L đưa tiền trước mặt anh S, chị T cho rằng đây là tiền hụi, anh S cũng không có ý kiến phản đối. Ngoài ra, chị T xác định sau khi hốt hụi, lĩnh hụi để chi tiêu trong gia đình. Mặc khác, có lần anh S trực tiếp nhờ chị L vay giùm anh 6.000.000đ để chị T trả nợ đến nay chưa trả chị L. Việc này phù hợp với lời trình bày của những người biết sự việc đã được xác minh ở bút lục 48-49 và lời trình bày của chị L.

[2.3] Ngoài ra, chị T và anh S không chứng minh được trong toàn bộ số tiền 935.000.000đ là nợ riêng của chị T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân không nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình, do vậy buộc chị T và anh S có trách nhiệm liên đới cùng hoàn trả số tiền 935.000.000đ là có căn cứ theo đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn S phải nộp án phí theo quy định tại 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chị Nguyễn Thị Kim L không phải nộp án phí.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận như nhận định trên.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các điều 288, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả chị Nguyễn Thị Kim L số tiền còn nợ bằng 935.000.000đ *(chín trăm ba mươi lăm triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị T phải nộp 40.050.000đ *(bốn mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* 25.400.000đ *(hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).*

2.2. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.400.000đ *(hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0013299 ngày 15/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự hoặc người đại diện của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Các đương sự: 03;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mười Hai**